

## **GIÁO DỤC NHO HỌC CỦA TỈNH THÁI BÌNH DƯỚI TRIỀU NGUYỄN (1802-1919)**

VŨ THỊ NGÀ

Nhà Nguyễn – triều đại phong kiến cuối cùng trong lịch sử phong kiến Việt Nam - cũng như các triều đại trước đó rất coi trọng giáo dục, khoa cử nhằm đào tạo nhân tài phục vụ cho việc xây dựng bộ máy chính quyền, làm nền tảng cho sự phát triển quốc gia dân tộc. Sau một thời gian dài bị gián đoạn (khoa thi 1787 là khoa thi cuối cùng dưới triều Lê- Trịnh) đến triều Nguyễn giáo dục và khoa cử Nho học được phục hồi dựa trên nội dung giáo dục và khoa cử dưới triều Lê sơ (1427- 1527) và có tham khảo giáo dục của nhà Minh (Trung Quốc). Ý thức rõ điều đó, các vua Nguyễn từ Gia Long, Minh Mệnh đến Thiệu Trị, Tự Đức đều rất coi trọng và đánh giá cao vai trò, vị trí của giáo dục. Tuy nhiên, cùng với biến động của lịch sử cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đặc biệt là sau khi Pháp hoàn thành công cuộc xâm lược Việt Nam giáo dục Nho học dưới không còn là hệ thống đào tạo đội ngũ trí duy nhất nhưng với những kết quả đạt được, giáo dục Nho học vẫn là nền tảng quan trọng đào tạo đội ngũ trí cho xã hội Việt Nam đương thời. Nằm trong hệ thống giáo dục Nho học chung của đất nước, giáo dục Nho học của tỉnh Thái Bình dưới triều Nguyễn cũng không nằm ngoài những nội dung giáo dục được triều đình quy định cùng những thay đổi về hệ thống giáo dục, nội dung giáo dục và thi cử của thời đại. Thái Bình được thành lập vào tháng 3- 1890; trước đó, đặc biệt là từ năm 1802 đến trước năm 1890, địa phận hành chính của Thái Bình trực thuộc hai tỉnh Hưng Yên và Nam Định. Chính vì vậy, để tìm hiểu vấn đề về kinh tế cũng như chính trị xã hội nói chung và giáo dục nói riêng của tỉnh Thái Bình trước năm 1890, cần tìm hiểu những tài liệu liên quan của hai tỉnh này, nhất là các nhà khoa bảng có quê quán tương ứng với địa phận hành chính của 8 huyện, thành phố của tỉnh Thái Bình ngày nay mà thời Nguyễn thuộc tỉnh Hưng Yên và Nam Định. Dựa trên sự ghi chép trong chính sử của nhà Nguyễn và các báo cáo mang tính địa chí của địa phương ta có thể biết được giáo dục Nho học của tỉnh Thái Bình dưới thời nhà Nguyễn về một số vấn đề sau: *Bộ máy công chức phụ trách giáo dục*, trước khi Pháp thành lập tỉnh Thái Bình, giáo dục Thái Bình nằm trong hệ thống giáo dục chung của trấn Sơn Nam Hạ (năm 1822 là trấn Nam Định, năm 1831 là tỉnh Nam Định) và tỉnh Hưng Yên. Quản lý giáo dục của toàn tỉnh là một viên *Đốc học*, dưới phủ huyện có một viên *Huấn đạo*. Ngoài ra năm 1938 do chính sách cấm đạo của nhà Nguyễn một số tỉnh miền núi và tỉnh Nam Định được tạm đặt chức *Tổng giáo* nhằm buộc những người theo đạo Gia tô phải bỏ đạo. Sách *Đại Nam thực lục* ghi: Chọn đặt mỗi huyện một hay hai hay ba, bốn người, không phải câu nệ có học rộng, lời văn giỏi, chỉ cần người có học hạnh kiểm, biết văn lý thì cho làm, tháng cấp cho tiền quan, gạo một phương. Cũng không phải làm ra nhà học, tức là cho tùy tiện trú ngụ, dạy bảo các con em nhà dân tổng ấy và tổng lân cận. Sau chỉ dụ này, tỉnh Nam Định có 4 phủ, 18 huyện (trừ huyện Tiền Hải mới đặt không theo đạo Gia tô còn lại 17 huyện) gồm 257 xã thôn đặt 39

viên Tổng giáo. Do đó, ngoài Đốc học, Huấn đạo, Tổng giáo cũng là một trong những chức quan thuộc hệ thống giáo dục phong kiến ở Thái Bình thời kỳ này. Sau khi thành lập tỉnh Thái Bình, bên cạnh Đốc học người Việt, thực dân Pháp còn đặt một viên Đốc học người Pháp, quyền hành nằm cả trong tay viên đốc học này. Dưới quyền Đốc học có ba Huấn đạo phụ trách ở ba khu vực. Khu vực một gồm có: Đông Quan, Thái Ninh, Thụy Anh, Phụ Dực; khu vực hai gồm có: Tiên Hưng, Duyên Hà, Hưng Nhân, Quỳnh Côi; khu vực ba gồm có: Kiến Xương, Tiền Hải, Thư Trì và Vũ Tiên. Như vậy, bộ máy công chức phụ trách giáo dục của nhà nước phong kiến cũng như của chính quyền thực dân ở Thái Bình thời kỳ trước và sau khi thiết lập tỉnh Thái Bình đã được đặt ra ngay từ đầu. Quản lý giáo dục là các viên Đốc học, Huấn đạo và Tổng giáo. Ngoài Đốc học người Việt còn có Đốc học người Pháp (được đặt ra từ sau năm 1890). *Hệ thống trường lớp*, gồm hệ thống trường lớp do nhà nước xây dựng và các trường ở các làng xã học do các thầy đồ ở các làng xã mở. Theo Nguyễn Thế Long dưới “*triều Tự Đức (vào khoảng từ 1864 đến 1875) nước Việt Nam gồm có 31 tỉnh và đạo, chia làm 321 phủ và huyện ...tổng số trường học ở tỉnh, phủ, huyện là 158 trường*” [5; 98- 99]. Số trường nhà Nguyễn lập ở tỉnh Thái Bình, theo thống kê của “*Đại Nam nhất thống chí*” thì tỉnh Nam Định gồm 24 phủ, huyện; 70898 suất đinh, có 14 trường học. Hưng Yên gồm 10 phủ, huyện; 16730 suất đinh và có 5 trường học. Trong đó số trường học của phủ, huyện thuộc nhà nước xây dựng và quản lý trên địa bàn hai tỉnh Hưng Yên và Nam Định được sách “*Đại Nam nhất thống chí*” ghi lại, sau năm 1890 thuộc về tỉnh Thái Bình gồm có các trường sau: “*Trường học phủ Tiên Hưng: ở phía nam phủ thành, năm thiệu trị thứ 3, dỡ nhà học huyện Phù Cừ lấy vật vật liệu dựng trường này. Trường học huyện Duyên Hà: ở phía Nam huyện lỵ, năm Tự Đức thứ hai, bỏ trường này và dời sang huyện Hưng Nhân, đến năm thứ 4, lại dựng ở chỗ cũ*”[7; 295 ]. “*Trường học huyện Chân Định: ở phía đông nam phủ thành, địa phận xã Động Trung, dựng năm Gia Long thứ 7*”. *Trường học huyện Thanh Quan: ở phía Đông lỵ sở huyện, địa phận xã Cổ Hội*”.

*Trường học phủ Kiến Xương: ở phía nam phủ thành, địa phận xã Kì Bó, dựng năm Minh Mệnh thứ 17.*

*Trường học huyện Quỳnh Côi: ở phía đông lỵ sở huyện, địa phận xã Quỳnh Ngọc, dựng năm Thiệu Trị thứ 3.*

*Trường học phủ Thái Bình: ở phía đông phủ thành, địa phận xã Kênh Lũ, dựng năm Minh Mệnh thứ 17* [7; 337-338 ]. Qua số liệu trên có thể thấy, dưới triều Nguyễn ở Thái Bình trung bình mỗi huyện có một trường học chữ Hán do nhà nước xây dựng. Tuy nhiên, không phải có trường là thu hút được mọi tầng lớp nhân dân đến học, vì những lý do khác nhau, có thể vì đường xá xa xôi, có thể vì nhà nghèo mà có khá nhiều Nho sinh theo học các trường tư trong làng . Sau khi thành lập tỉnh Thái Bình, với yêu cầu đào tạo đội ngũ quan chức phục vụ cho công cuộc khai thác thuộc địa, song song với việc duy trì các lớp Nho học, thực dân Pháp đã mở một số lớp học chữ quốc ngữ. Nhưng thực dân Pháp thành lập tỉnh Thái Bình từ năm 1890 nhưng mãi đến năm 1902 ở Thái Bình mới có trường học. “*Cả tỉnh chỉ có vẻn vẹn một trường học lợp rạ với 40 học sinh và 1 giáo*

viên” [6; 6]. Trong thời kỳ này, trường do Pháp lập ra “ở Thái Bình có hai loại trường: là trường kiêm bị và trường tiểu học. Hệ thống trường kiêm bị gồm: mỗi phủ hoặc huyện có một trường từ ba đến sáu lớp: lớp nhì 1, lớp nhì 2 và lớp nhất tương đương với các lớp 3, 4, 5 ngày nay. Hệ thống trường tiểu học gồm ba lớp: đồng ấu, dự bị, sơ đẳng” [6; 7]. Số học sinh học trường Pháp ở Thái Bình từ năm 1902 đến 1920 như sau:

Số học sinh học trường Pháp (1902 – 1920) của tỉnh Thái Bình

| Năm  | Tổng số học sinh |
|------|------------------|
| 1902 | 40               |
| 1904 | 70               |
| 1907 | 120              |
| 1914 | 300              |
| 1917 | 350              |
| 1920 | 420              |

Nguồn: Báo cáo của Dương Thiệu Tường ngày 02/05/1933 về tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội tỉnh Thái Bình.

Như vậy, có thể thấy quy mô giáo dục Pháp xây dựng ở Thái Bình hết sức nhỏ bé và chậm phát triển. Tóm lại, hệ thống trường lớp do nhà Nguyễn mở ra để đào tạo trí thức Nho học cũng như trường do Pháp mở đào tạo đội ngũ Tây học ở đầu thế kỷ XX ở Thái Bình rất hạn chế. Nhưng “thực tế cho thấy qua số lượng các trường thi hương, số dự thi và trúng tuyển thi hương, thi hội, ta cũng có thể thấy được là giáo dục Nho học thời Nguyễn phát triển mạnh mẽ nhất trong thời kỳ phong kiến” [5; 101]; điều đó chỉ có thể giải thích vai trò rất quan trọng của làng xã, của gia đình và của dòng họ trong giáo dục Nho học thời kỳ này. Trong khi các trường do nhà nước mở không nhiều ở Thái Bình thì các lớp học do các thầy đồ ở các làng xã mở ra thu hút học trò đến học khá đông. Trường làng, trong hoàn cảnh lúc bấy giờ có vai trò rất quan trọng ở địa phương. Theo các tài liệu mà chúng tôi thu thập được, thì không chỉ có những lớp học do các nhà khoa bảng của tỉnh Thái Bình sau khi cáo quan đã về quê mở lớp dạy học, mà còn có một số lớn lớp học của những nho sĩ chưa đậu bằng Cử nhân nhưng lớp học của họ cũng rất đông, như trường hợp của thầy đồ Phạm Diệu (Cha của Tiến sĩ Phạm Thế Hiển và Phó bảng Phạm Thế Húc ở Thụy Phong, Thái Thụy). Các lớp học này hầu như ở xã nào, làng nào cũng có. Bên cạnh đó còn phải kể đến vai trò của làng xã, gia đình và truyền thống của dòng họ và gia đình với việc giáo dục Nho học thời kỳ này. Nét độc đáo trong giáo dục truyền thống hiếu học ở các làng xã là giáo dục bằng truyền thống hiếu học của quê hương, những câu ca: “muốn sang thì bắc cầu kiều, muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy”, việc tổ chức đón rước những tân khoa về làng hay việc dựng bia ghi tên tuổi những người đỗ đạt trong huyện xã, khi chết được nhân dân lập đền thờ coi là phúc thần của làng, họ đi học

không chỉ nhằm khẳng định tài năng, học vấn của mình mà còn nhằm rạng danh cho dòng tộc, cho xóm làng.v.v. Những yếu tố trên cũng có giá trị rất lớn khuyến khích tinh thần học tập của con em ở các địa phương. Các vị đại khoa của tỉnh Thái Bình thời Nguyễn đều xuất thân từ những gia đình khoa bảng hoặc thuộc các dòng dõi Nho gia có tiếng tăm như: Tiến sĩ Bùi Duy Phan, đỗ khoa Tân Sửu (1841) là con cháu họ Bùi, công thần khai quốc thời Đinh, từng có nhiều người đỗ đạt, làm quan dưới nhiều triều đại như Tướng quốc Bùi Quang Dũng, Bùi Quang Đạt. Phó bảng Khiếu Hữu Sử (quê phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình ngày nay) đỗ khoa Nhâm Thìn 1892, là cháu chắt của Khiếu Hữu Tuân, từng được coi là đã đỗ Trạng Nguyên thời Mạc. 15/16 vị đại khoa Thái Bình xuất thân từ gia đình có truyền thống Nho học. Đặc biệt sự thành đạt của hai anh em Tiến sĩ Phạm Thế Hiển và Phó bảng Phạm Thế Húc, quê ở Luyên Khuyết, huyện Đông Quan (nay là xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy) phải kể đến sự dạy dỗ của người cha Phạm Diệu là thầy đồ rất nổi tiếng đã có rất nhiều người theo học và đỗ đạt. Trong *“Bản thông chí tỉnh Thái Bình”* ghi ngày 12-6 năm Thành Thái thứ 12 có ghi về ông như sau: *“Phạm Diệu, bổ thân sinh tiến sĩ Phạm Thế Hiển, đỗ tú tài khoa Đinh Mão đời Gia Long. Ông suốt đời chỉ làm nghề dạy học, học trò có nhiều người đỗ đạt. Hễ tới gần kỳ thi, ông thi sát hạch học trò ông trượt đỗ, học trò nào được ông cho trúng cách, quả nhiên khoa ấy kéo bảng lên là có tên. Có người đến xin nhập môn (vào học) gặp lúc ông đi vắng người ấy chỉ xuống ao nhà ông tắm rồi trở về, thế mà khoa ấy đi thi cũng đỗ. Người ta nói: ông là hậu thân thần văn xương đế quân. Những con ông: Thế Hiển đỗ tiến sĩ, Thế Trình đỗ phó bảng, Thế Thạc đỗ tú tài. Những học trò ông: 3 người đỗ phó bảng, 23 cử nhân, 187 tú tài. Khoa Canh Tý, ở làng Bình Cách có ông cụ 84 tuổi, còn đi thi đỗ cử nhân, cũng là học trò cũ của ông Phạm Diệu”*[8; 15-16]. Có những gia đình có hai anh em cùng đỗ đạt và đều có cha là những thầy đồ như: Nguyễn Doãn Cử -Nguyễn Doãn Tựu ở xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư có thân sinh là thầy đồ Nguyễn Doãn Trung; hai anh em Phạm Tư Trai và Phạm Tư Trực ở Nguyên Xá, Vũ Thư có thân sinh là thầy đồ Phạm Hải. Ngô Đức Trạch và Ngô Quang Bích ở Trình Phố, An Ninh, Tiền Hải có thân sinh là thầy đồ Ngô Quang Mĩ; hai anh em Bùi Viện và Bùi Bổng ở Trình Phố, xã An Ninh, huyện Tiền Hải cha là thầy đồ Bùi Ngọc.

Về địa điểm thi, các sĩ tử Thái Bình thường dự thi tại hai trường thi Hương là trường Nam Định và trường Hà Nam.

*Kết quả giáo dục* khoa cử của tỉnh Thái Bình thời kỳ này được biểu hiện ở số lượng các nhà khoa bảng đỗ đạt trong các kỳ thi Hương và thi Hội. Theo các sách *“Quốc triều hương khoa lục”* của Cao Xuân Dục và *“Trạng nguyên, Tiến sĩ, Hương cống Việt Nam”* do Bùi Hạnh Cẩn chủ biên và một số tư liệu địa phương như cuốn *“Trạng nghè Thái Bình”* do Nguyễn Thanh chủ biên và một số gia phả dòng họ thì số lượng đại khoa của Thái Bình thời kỳ này là 16 người. Trong đó huyện Vũ Thư và huyện Quỳnh Phụ có 3 người, huyện Thái Thụy, huyện Hưng Hà, huyện Tiền Hải và thành phố Thái Bình có 2 người, huyện Đông Hưng và huyện Kiến Xương có 1 người. Về số Cử nhân, Theo Cao Xuân Dục trong *“Quốc triều hương khoa lục”*, dưới thời Nguyễn từ khoa Đinh Mão 1807 đến khoa Mậu Ngọ 1918 có tổng cộng 47 khoa thi Hương với 6.165 người đỗ Cử nhân,

Tú tài (theo thống kê của chúng tôi số Cử nhân là 5.232 người). Số Cử nhân của Thái Bình đỗ đạt trong thời kỳ này, theo thống kê chưa đầy đủ của chúng tôi là 177 người.

Cụ thể ở từng huyện như sau:

*Số cử nhân của các huyện và thành phố tỉnh Thái Bình đỗ đạt qua các kỳ thi*

| STT  | Huyện               | Số lượng Cử nhân |
|------|---------------------|------------------|
| 1    | Thành phố Thái Bình | 10               |
| 2    | Hưng Hà             | 8                |
| 3    | Tiền Hải            | 13               |
| 4    | Đông Hưng           | 23               |
| 5    | Quỳnh Phụ           | 19               |
| 6    | Vũ Thư              | 56               |
| 7    | Thái Thụy           | 18               |
| 8    | Kiến Xương          | 30               |
| Cộng | 177                 |                  |

Số lượng đại khoa của Thái Bình (16) và cử nhân (177) của Thái Bình so với số lượng 558 đại khoa và hơn 5000 cử nhân dưới triều Nguyễn thì thật sự khiêm tốn. Tuy nhiên, đây là tình hình giáo dục Nho học chung của các địa phương miền Bắc thời kỳ này. Theo thống kê của chúng tôi, thời kỳ này tỉnh Hưng Yên có 152 cử nhân và 14 đại khoa, hai tỉnh có truyền thống giáo dục cao ở miền Bắc là tỉnh Nam Định và tỉnh Bắc Ninh số cử nhân của Nam Định dưới triều Nguyễn là gần 370 cử nhân và 25 tiến sĩ, Phó bảng; số đại khoa của tỉnh Bắc Ninh theo tác giả Nguyễn Mai Anh trong cuốn “*Truyền thống giáo dục và đóng góp của các nhà khoa bảng Bắc Ninh trong lịch sử (1075-1919)*” thì đến nhà Nguyễn thì số người đi thi và đỗ đạt của Bắc Ninh giảm rõ rệt, số vị đỗ đại khoa của thế kỷ XIX chưa bằng một khoa thi năm 1508 dưới triều Lê sơ (năm 1508 Bắc Ninh có 16 người đỗ đại khoa). Có thể lý giải cho sự suy giảm này là do hệ tư tưởng Nho giáo không còn được trọng vọng như những triều đại trước, đồng thời do trường thi Hội được chuyển vào kinh đô Huế nên gây không ít khó khăn cho những sĩ tử, nhất là những sĩ tử con nhà nghèo; một nguyên nhân nữa là do chiến tranh nên trong một số năm một số trường như trường Nam Định và Hà Nam không tổ chức thi nên cũng ảnh hưởng đến số lượng người đỗ đạt của các tỉnh trong đó có tỉnh Thái Bình. Những khó khăn về kinh tế và hoàn cảnh xã hội đương thời cũng ảnh hưởng không nhỏ đến giáo dục Nho học của tỉnh Thái Bình thời kỳ này. Tuy nhiên, ta cũng có thể thấy số Tiến sĩ, Phó bảng và Cử nhân của Thái Bình nhiều hơn số Tiến sĩ và Phó bảng và Cử nhân của tỉnh

Hưng Yên và chiếm gần 36% tổng số Cử nhân và chiếm 34% tổng số đại khoa của 3 tỉnh Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình. Giáo dục thời Nguyễn ở Thái Bình bên cạnh hệ thống giáo dục Nho học còn có một số trường do thực dân Pháp mở để dạy chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp. Nhưng thực tế cho thấy, dưới thời Nguyễn giáo dục Nho học vẫn là hệ thống giáo dục quan trọng nhất và giữ vai trò chủ đạo trong đào tạo nhân tài cho đất nước. Nội dung giáo dục Nho học thời Nguyễn sau năm 1884 có một số thay đổi về hình thức và nội dung thi như việc sử dụng chữ quốc ngữ trong bài thi.v.v... nhưng về cơ bản nội dung của giáo dục Nho học vẫn là chủ yếu. Với 39 khoa thi Hội, thi Đình và 47 khoa thi Hương đã lấy đỗ được 558 Tiến sĩ, Phó bảng và hơn 5000 cử nhân nhà Nguyễn đã đào tạo cho đất nước không ít nhân tài. Trong đó, ở Thái Bình đã có 16 vị đỗ tiến sĩ, phó bảng và 177 Cử nhân cho thấy giáo dục Nho học của Thái Bình thời kỳ này số lượng người đỗ đạt không hề sút giảm so với thời kỳ trước. Điều đó chứng tỏ kết quả giáo dục của một triều đại là do sự tác động của nhiều yếu tố. Đó là sự kết hợp hài hoà của điều kiện sống, bối cảnh lịch sử, truyền thống gia đình, dòng họ đặc biệt là tài năng và quyết tâm của các nhà khoa bảng, do đó ngoài những nhà khoa bảng mà gia đình có đủ điều kiện lo cho ăn học và lộ phí đi thi như Nguyễn Mậu Kiến, Khiếu Hữu Sử, còn có những trường hợp nhà nghèo nhưng vẫn quyết chí vượt lên dù mài kinh sử để đi thi như Doãn Khuê, Trần Ngọc Dur (Trần Huy Xán), những trường hợp học rất giỏi nhưng không tiếp tục con đường Nho học hoặc chỉ dừng lại ở bằng tú tài như Phạm Diệu hoặc theo con đường Tây học như Nguyễn Văn Cẩm. Số lượng các vị khoa bảng của tỉnh Thái Bình thực sự là lực lượng trí thức quan trọng góp phần phục vụ đất nước thời kỳ này.

VTN

### **Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Mai Anh, *Truyền thống giáo dục và đóng góp của các nhà khoa bảng Bắc Ninh trong lịch sử (1075-1919)*. Luận văn thạc sĩ khoa học Lịch sử Trường Đại học Sư phạm (2003-2005).
2. Bùi Hạnh Cẩn (CB), Nguyễn Loan, Lan Phương, *Những ông nghè, ông cống triều Nguyễn*, Nxb VHTT, H, 1995.
3. Nguyễn Tiến Cường, *Sự phát triển giáo dục và chế độ thi cử Việt Nam thời phong kiến*, Nxb Giáo dục, H, 1998.
4. Cao Xuân Dục, *Quốc triều hương khoa lục* (tái bản), Nxb Tp. HCM, 1993.
5. Nguyễn Thế Long, *Nho học ở Việt Nam- Giáo dục và thi cử*, Nxb Giáo dục, H, 1995.